

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Vũ;

2. Bà Trịnh Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 27/9/2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST - HNGĐ ngày 23/7/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST - HNGĐ ngày 08/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị T có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh T1 có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2021, tại bản tự khai ngày 27/7/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 24/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, sinh hoạt gia đình thường xuyên cãi nhau, anh T1 hay chửi bới, đánh đập, xỉ nhục chị T nhiều lần, không quan tâm đến vợ con, hai bên không quan tâm gì đến nhau, Từ tháng 6 năm 2021 vợ chồng đã ly thân nhau, hiện chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Thiệu Lý, huyện Thiệu Hóa sinh sống. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, chị T đề nghị được ly hôn anh Bùi Ngọc T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 17/4/2009, Bùi Thị Ánh N sinh ngày 18/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc P sinh ngày 18/6/2011. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu P, anh T1 nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2021, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Ngọc T1 trình bày: Anh Bùi Ngọc T1 và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 24/12/2007, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, trong cuộc sống vợ chồng cũng có lúc va chạm nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt có thể cải thiện được chưa đến mức phải ly hôn; Anh T1 thấy tình cảm vợ chồng đang còn, chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 17/4/2009, Bùi Thị Ánh N sinh ngày 18/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc P sinh ngày 18/6/2011; Nếu vợ chồng ly hôn anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T1.

Về tài sản: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn được hai bên thừa nhận, thời gian mâu thuẫn từ đầu năm 2020; Hai bên đã sống ly thân, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vụ án Tòa án giải quyết cũng đã có thời gian dài cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ, Tòa án tổ chức 02 phiên hòa giải, trong đó 01 phiên anh T1 vắng mặt, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, hiện tại mỗi người một nơi, không nói chuyện được với nhau, quan điểm của anh T1 về ly hôn là không rõ ràng, không tha thiết níu kéo, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng mặc dù theo anh T1 chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T vẫn một mực kiên quyết xin được ly hôn anh T1; Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 17/4/2009, Bùi Thị Ánh N sinh ngày 18/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc P sinh ngày 18/6/2011; Chị T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu H, cháu N và cháu P có ghi họ tên bố là anh Bùi Ngọc T1, họ tên mẹ là chị Lê Thị T, như vậy

đủ cơ sở khẳng định cháu H, cháu N và cháu P là con chung của chị T và anh T1; Xét nguyện nguyện vọng nuôi con của hai bên là chính đáng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại cả 03 cháu đều mong muốn ở với chị T, tuy nhiên cháu H đang ở với anh T1 ổn định, điều kiện kinh tế của chị T và anh T1 là như nhau, nên giao cháu H cho anh T1 nuôi dưỡng, giao cháu P và cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi cho các bên; ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Bùi Ngọc T1.
2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Ngọc H sinh ngày 17/4/2009 cho anh Bùi Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Bùi Thị Ánh N sinh ngày 18/6/2011 và cháu Bùi Thị Ngọc P sinh ngày 18/6/2011 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T, anh T1 có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2019/0000016 ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T1 hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã Ký)**

**Hoàng Văn Đạt**

